

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Kiên

ông Huỳnh Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về: “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị T; cư trú tại: số H, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: anh Tiêu Huệ M; cư trú tại: USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 14/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: chị và anh Tiêu Huệ M kết hôn vào năm 1996, đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, hôn nhân do mai mối. Sau khi kết hôn, anh Tiêu Huệ M trở về Hoa Kỳ thỉnh thoảng về Việt Nam thăm chị. Vợ chồng có 02 con chung tên Tiêu Đức T2, sinh năm 1996 và Tiêu Hoài D, sinh năm 1999. Chị đề nghị anh Tiêu Huệ M bảo lãnh chị và con sang Hoa Kỳ để đoàn tụ nhưng anh Tiêu Huệ M không đồng ý. Chị một mình nuôi con ăn học, anh Tiêu Huệ M không quan tâm, không chu cấp gì cho chị và con. Khoảng 10 năm nay anh Tiêu Huệ M không về thăm, cũng như không liên lạc với chị và con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Tiêu Huệ M.

Về con chung: chị và anh Tiêu Huệ M có 02 con chung tên Tiêu Đức T2, sinh năm 1996 và Tiêu Hoài D, sinh năm 1999, đã thành niên và có việc làm ổn định. Vì vậy, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T1 Huệ Mai được Tòa án ủy thác tư pháp theo quy định để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh về việc chị Phạm Thị T khởi kiện ly hôn với anh. Trong đó, ấn định ngày mở phiên họp hòa giải, ngày mở phiên tòa nhưng Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ trả lời không thực hiện được ủy thác tư pháp cho anh Tiêu Huệ M do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu. Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn nhưng nguyên đơn cũng không thể cung cấp được và nguyên đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên kênh dành cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thông báo yêu cầu anh Tiêu Huệ M tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn không có kết quả. Căn cứ Điều 227, Điều 238 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt đối với chị Phạm Thị T và anh Tiêu Huệ M.

[2] Chị Phạm Thị T và anh Tiêu Huệ M kết hôn vào năm 1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T là công dân Việt Nam với anh Tiêu Huệ M quốc tịch Hoa Kỳ là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[3] Nhận thấy chị Phạm Thị T và anh Tiêu Huệ M kết hôn do mai mối, việc tìm hiểu nhau chưa kỹ. Theo chị Phạm Thị T trình bày anh Tiêu Huệ M không quan tâm chị và khoảng 10 năm nay không về thăm, cũng như không liên lạc với chị và con. Xét thấy hai người ở hai nước khác nhau, trong thời gian dài không còn liên lạc với nhau, điều này thể hiện không còn chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị T và anh Tiêu Huệ M trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và

Gia đình, việc chị Phạm Thị T yêu cầu ly hôn với anh Tiêu Huệ M là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Phạm Thị T không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên Tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T. Cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Tiêu Huệ M.

2. Án phí: chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 36 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết chị Phạm Thị T được quyền kháng cáo. Anh Tiêu Huệ M được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- STP tỉnh Đồng Tháp: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn